

I.M. PUNKINA

TÓM LƯỢC NGỮ PHÁP
TIẾNG NGA

КРАТКИЙ СПРАВОЧНИК
ПО РУССКОЙ ГРАММАТИКЕ



NHÀ XUẤT BẢN THẾ GIỚI

I .M . PUNKINA

TÓM LƯỢC NGỮ PHÁP TIẾNG NGA
TIẾNG NGA

**КРАТКИЙ СПРАВОЧНИК
ПО РУССКОЙ ГРАММАТИКЕ**

**NHÀ XUẤT BẢN THẾ GIỚI
- 1999 -**

I . M . PUNKINA, 1999.

IN TAI VIỆT NAM

VN-TG-1994-5

Tên sách : TÓM LƯỢC NGỮ PHÁP TIẾNG NGA

Tác giả : I.M.PunKina.

Người dịch : Dương Đức Niệm và Đỗ Đình Tổng

LỜI NÓI ĐẦU

Cuốn sách này dùng làm tài liệu học tập cho đông đảo người học và sử dụng tiếng Nga.

Để cuốn sách mang tính phổ cập, tác giả đặc biệt chú ý trình bày tỷ mỉ những vấn đề khó đối với người nước ngoài như: giống của danh từ, ý nghĩa và việc sử dụng các cách có giới từ và không giới từ, cách cấu tạo và những khác biệt về thể của động từ, trong âm trong tiếng nga v.v.

Trong cuốn sách có nhiều bảng tổng kết mang tính khái quát ngắn gọn, rõ ràng và mang tính tra cứu cao. Đồng thời, trước khi đưa ra các bảng tổng kết của một từ loại tác giả trình bày những kiến thức chung về từ loại đó và những đặc điểm cơ bản của nó. Dưới các bảng tổng kết có những chú thích cần thiết.

Cách dùng các hình thái trong tiếng Nga văn học được minh họa bằng những ví dụ lấy từ các tác phẩm văn học cổ điển và hiện đại cũng như các bài văn chính luận.

Chúng tôi dịch cuốn sách này với mong muốn giúp đông đảo bạn đọc Việt Nam nói chung, các sinh viên, giáo viên, các nhà khoa học nói riêng, trong việc sử dụng tiếng Nga cho công tác nghiên cứu, đáp ứng các yêu cầu trong thời kỳ công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước.

Các ý kiến nhận xét xin gửi về Nhà Xuất bản theo địa chỉ:

NHÀ XUẤT BẢN THẾ GIỚI

46 TRẦN HUNG ĐẠO

TEL : 04 - 8253841

Những người dịch
DƯƠNG ĐỨC NIỆM
ĐỖ ĐÌNH TỔNG

QUY ƯỚC VIỆT TẤT

А.Г. — Гайдэр А. П.
Акс. — Аксаков С. Т.
Арс. — Арсеньев В. К.
А.Т. — Толстой А. Н.
Бар. — Баратынский Е. А.
Г. — Гоголь Н. В.
Гарш. — Гаршин В. М.
Герц. — Герцен А. И.
Гонч. — Гончаров И. А.
Горб. — Горбатов Б. Л.
Гриб. — Грибоедов А. С.
Дж. — Джамбул Джабаев
Жук. — Жуковский В. А.
Заг. — Забоскин М. Н.
К. — Кольцов А. В.
Кор. — Короленко В. Г.
Кр. — Крылов И. А.
Л. — Лермонтов М. Ю.
Л.-К. — Лебедев-Кумач В. И.
Л.Т. — Толстой Л. Н.
М. — Майков А. Н.

М.Г. — Максим Горький
Нев. — Неверов А. С.
Некр. — Некрасов Н. А.
Ник. — Никитин И. С.
Н.О. — Островский Н. А.
П. — Пушкин А. С.
Павл. — Павленко П. А.
Пауст. — Паустовский К. Г.
Плещ. — Плещеев А. Н.
Сим. — Симонов К. М.
Т. — Тургенев И. С.
Тих. — Тихонов Н. С.
Тютч. — Тютчев Ф. И.
Ф. — Фет А. А.
Фад. — Фадеев А. А.
Фед. — Федин К. А.
Фр. — Франко И. Я.
Фурм. — Фурманов Д. А.
Ч. — Чехов А. П.
Эрен. — Эренбург И. Г.
Яз. — Языков Н. М.

I. NHỮNG ĐẶC ĐIỂM CƠ BẢN CỦA NGỮ ÂM, CHỮ VIẾT VÀ CHÍNH TẢ TIẾNG NGA

Trong thành phần của tiếng Nga có rất nhiều phương ngữ và thổ ngữ. Ngôn ngữ của dân tộc đại Nga và sau này trên cơ sở ngôn ngữ đó tiếng Nga dân tộc đã hình thành trong suốt giai đoạn từ thế kỷ 14 đến thế kỷ 17, thời đại xây dựng và phát triển nhà nước Nga tập trung mà trung tâm là Mát-xcơ-va. Trong tiếng Nga dân tộc có nhiều phương ngữ Nga cổ rất phổ biến trên lãnh thổ toàn quốc. Nền tảng của tiếng Nga văn học là thổ ngữ Mát-xcơ-va. Vì Mát-xcơ-va nằm gần ranh giới của thổ ngữ phương bắc nên lúc đầu thổ ngữ này mang nhiều đặc điểm của phương bắc. Trong quá trình phát triển lịch sử ngày càng có nhiều đặc điểm phương nam thâm nhập vào thổ ngữ Mát-xcơ-va, đồng thời các đặc điểm phương bắc dần dần bị loại bỏ. Tuy nhiên cho tới nay một số đặc điểm phương bắc cổ vẫn còn tồn tại trong thổ ngữ này. Trong cuốn sách này chúng tôi chỉ nêu ra những đặc sắc phát âm của thổ ngữ Mát-xcơ-va được coi là chuẩn mực văn học. Dưới thời Piôt đế nhất thủ đô được dời từ Mát-xcơ-va đến Pê-téc-bua (ngày nay là Lê-nin-grát). Mãi đến năm 1918 thủ đô lại trở về Mát-xcơ-va. Là một thành phố mới, Pê-téc-bua không có được một thổ ngữ riêng khác biệt với thổ ngữ Mát-xcơ-va. Dân cư của thành phố này chủ yếu là những người từ Mát-xcơ-va tới, tuy vậy một số nét khác biệt với chuẩn mực phát âm Mát-xcơ-va vẫn dần dần xuất hiện. Chúng tôi sẽ trình bày những nét khác biệt đó ở những chỗ cần thiết, còn những thổ ngữ khác chúng tôi sẽ không đề cập tới.

ÂM VÀ CHỮ CÁI

Bảng chữ cái tiếng Nga gồm 33 chữ cái: а, б, в, г, д, е, ё, ж, з, и, й, к, л, м, н, о, п, р, с, т, у, ф, х, ц, ч, ш, щ, ъ (dấu cứng), ы, ь (dấu mềm), э, ю, я.

Trong tiếng Nga âm nhiều hơn chữ cái. Để có thể hiểu được các âm khác nhau được thể hiện nhờ chữ cái ra sao, chúng ta cần phải xét tới vấn đề có những âm nào tồn tại trong tiếng Nga và chúng được chia thành bao nhiêu nhóm.

Nguyên âm và phụ âm

Âm trong tiếng Nga cũng như trong bất kỳ thứ tiếng nào khác được chia thành nguyên âm và phụ âm. Nguyên âm và phụ âm khác nhau ở chỗ trong khi phát âm nguyên âm luồng hơi đi qua khoang miệng một cách tự do, trong trường hợp này khoang miệng đóng vai trò là hộp cộng hưởng (tăng âm) của âm còn khi phát âm phụ âm trong khoang miệng xuất hiện những cản trở khác nhau. Tất cả các nguyên âm trong tiếng Nga được phát âm có kèm theo tiếng thanh, đối với phụ âm một số được phát âm có kèm theo tiếng thanh, còn số khác không có tiếng thanh kèm theo. Tất cả các nguyên âm tiếng Nga thường là những âm âm tiết, còn phụ âm là những âm không âm tiết. Xét về mặt âm thanh thì lời nói của con người được chia thành các âm tiết. Âm tiết là một âm hoặc một nhóm âm được phát ra bởi một lần bật hơi. Âm âm tiết là âm nghe rõ nhất trong âm tiết. Mỗi âm tiết có một âm âm tiết (nó có thể là âm duy nhất của âm tiết). Các âm còn lại của âm tiết (trừ âm âm tiết) là những âm không âm tiết. Trong một âm tiết có thể có một vài âm không âm tiết. Thí dụ, trong từ *ходит* (ngôi thứ 3 số ít) có hai âm tiết (*хо-дит*) và vì vậy có hai âm âm tiết (*о, и*). Trong âm tiết thứ nhất chỉ có một âm không âm tiết (*х*), còn trong âm tiết thứ hai có hai âm không âm tiết (*д, т*).

Những nguyên âm cơ bản trong tiếng Nga

Sự khác biệt giữa các nguyên âm trước hết phụ thuộc vào vị trí của lưỡi. Các nguyên âm được chia thành nhóm tùy thuộc vào bộ phận nâng của lưỡi và độ nâng của lưỡi (xem bảng 1). Bộ phận nâng của lưỡi được xác định bởi vị trí nâng lưỡi. Theo quan điểm này nguyên âm được chia thành ba nhóm: hàng sau, hàng giữa và hàng trước. Khi phát âm nguyên âm hàng sau phần sau lưỡi nâng lên về phía ngạc sau, khi phát âm nguyên âm hàng giữa phần giữa lưỡi nâng lên về phía ngạc giữa, khi phát âm nguyên âm hàng trước phần giữa lưỡi nâng lên về phía ngạc trước. Độ nâng được xác định bởi mức nâng lưỡi. Xét theo góc độ này nguyên âm được chia thành ba nhóm: thấp, trung bình, cao. Khi phát âm nguyên âm có độ nâng thấp, lưỡi nằm thẳng (hầu như không nâng); khi phát âm nguyên âm có độ nâng trung bình, lưỡi có nâng lên nhưng không nhiều lắm; khi phát âm nguyên âm có độ nâng cao, lưỡi nâng cao. Độ lớn và hình dáng của khoang miệng với tư cách là hộp cộng hưởng của âm biến đổi tùy theo phần nào của lưỡi được nâng lên và ở mức độ nào. Những biến đổi đó làm cho âm thanh được tạo ra trong cổ họng có các sắc thái khác nhau.

Một số nhà bác học không xếp âm *a* vào nhóm hàng giữa mà xếp vào nhóm hàng sau. Cần phải thấy rằng trong khi phát âm các nguyên âm có

độ nâng thấp nói chung khó xác định được điểm cao nhất của mặt lưỡi nằm ở phần nào, chính vì vậy cũng khó xác định được ranh giới của nguyên âm hàng giữa và hàng sau.

Âm **ы** thường đề trong ngoặc đơn vì nó không có tính độc lập như âm **и**; nó chỉ được phát âm sau các phụ âm cứng; còn âm **и** được phát âm ở vị trí đầu từ và sau các phụ âm mềm (xem phần dưới).

Khi phát âm các nguyên âm **о** và **у** không những vị trí của lưỡi, mà cử động của môi cũng đóng vai trò quan trọng. Khi phát âm **о** môi tròn lại; khi phát âm **у** môi không những tròn lại, mà còn hơi nhô về phía trước. Các cử động này của môi cũng làm thay đổi độ lớn và hình dáng của khoang miệng đồng thời làm cho âm thanh được tạo nên trong cổ họng có những sắc thái khác nhau.

Bảng 1

Những nguyên âm cơ bản trong tiếng Nga

Trước	Giữa	Sau	Hàng
			Độ nâng
и	(ы)	у	Cao
э		о	Trung bình
	а		Thấp

Những phụ âm cơ bản trong tiếng Nga

Các phụ âm được phân chia thành nhóm dựa theo vị trí tạo nên cản trở đối với luồng không khí đi ra, phương thức tạo ra những cản trở đó, và độ tham gia của tiếng thanh.

Dựa theo vị trí tạo nên cản trở đối với luồng không khí đi ra các phụ âm trong tiếng Nga được chia thành phụ âm môi, môi-răng, răng, ngạc-răng, ngạc giữa và ngạc sau. Khi phát âm phụ âm môi **п, б, м** môi mím lại tạo ra cản trở đối với luồng không khí đi ra. Khi phát âm phụ âm môi-răng **в, ф** luồng không khí thoát ra giữa môi dưới và hàng răng trên. Khi phát âm các phụ âm răng **т, д, с, з** v. v. đầu lưỡi áp sát hoặc chuyển dịch về phía răng trên. Khi phát âm các phụ âm ngạc-răng **ж, ш, ч, ц** đầu lưỡi và phần giữa lưỡi áp sát hoặc chuyển dịch về phía răng trên và ngạc trước. Các phụ âm răng và ngạc-răng còn được gọi là phụ âm trước lưỡi. Khi

phát âm các phụ âm ngạc giữa ñ cản trở được tạo nên giữa phần giữa lưỡi và ngạc giữa. Các phụ âm ngạc giữa còn được gọi là phụ âm giữa lưỡi. Khi phát âm các phụ âm ngạc sau к, г, х cản trở được tạo nên giữa phần sau lưỡi và ngạc sau. Các phụ âm ngạc sau còn được gọi là phụ âm sau lưỡi (xem bảng 2).

Bảng 2

Phân chia phụ âm theo vị trí tạo ra cản trở

Môi	Môi-răng	Răng	Ngạc-răng	Ngạc-giữa	Ngạc-sau		
п		т			к	Không kêu	Nở
б		д			г	Kêu	
	ф	с	ш, щ		х	Không kêu	Xát
	в	з	ж, жж	й		Kêu	
		ц	ч			Tác xát	
м		н				Mũi	Vang
		л, р				Trơn	

Phụ âm cứng và phụ âm mềm trong tiếng Nga

Một trong những đặc điểm của ngữ âm tiếng Nga là trong tiếng Nga còn phân biệt phụ âm cứng và phụ âm mềm (xem bảng 3). Đa số các phụ âm trong tiếng Nga tạo nên những cặp bao gồm một âm cứng và một âm mềm tương ứng. Âm mềm chỉ khác biệt với âm cứng bởi độ mềm của mình, tuy nhiên sự khác biệt giữa các phụ âm cứng và mềm rất quan trọng đối với việc phân biệt ý nghĩa của từ. Thí dụ, từ ýгол (góc) và ýголь (than) trong phát âm chỉ khác nhau ở chỗ trong từ thứ nhất có л cứng, còn trong từ thứ hai л mềm.

Phụ âm mềm khác biệt với phụ âm cứng tương ứng bởi vị trí của lưỡi. Khi phát âm các phụ âm mềm т, д, с, з, н, б, ф, в, р, л, м phần giữa lưỡi (tức phần lưỡi ngay sau đầu lưỡi) hơi nâng lên về phía ngạc giữa. Hiện tượng này không có khi phát âm các phụ âm cứng tương ứng. Thí

dụ, khi phát âm cứng *п уеп* (cái chày) chỉ có môi tham gia. Khi phát âm phụ âm mềm *п уепь* (xích) môi nói chung cũng cử động giống như khi phát âm phụ âm cứng *п*, song ngoài ra phần giữa lưỡi còn hơi nâng lên. Một số phụ âm trong tiếng Nga không tạo thành cặp cứng-mềm; một số phụ âm cứng như *ц, ш, ж* không có phụ âm mềm tương ứng; ngược lại một số phụ âm mềm như *ч, щ, ѝ* lại không có phụ âm cứng tương ứng.

Sự thể hiện tính mềm của phụ âm trong chữ viết được trình bày ở phần sau.

Các phụ âm mềm *к, г, х* được để trong ngoặc đơn vì chúng không có tính độc lập như các phụ âm mềm khác. Thường chúng chỉ được phát âm mềm khi đứng trước các nguyên âm hàng trước *е, и* (trừ một số trường hợp ngoại lệ: một số tên riêng nước ngoài, thí dụ, *Кяхта* trong từ này phụ âm mềm *к* được phát âm trước *а*; các hình thái thời hiện tại ngôi thứ 2 số ít *ткѣшь*, ngôi thứ 3 số ít *ткѣт*, ngôi thứ 1 số nhiều *ткѣм*, ngôi thứ 2 số nhiều *ткѣте* của động từ *ткать* (đệt): $\bar{е} = \bar{o}$ sau phụ âm mềm), còn các phụ âm mềm khác có thể được phát âm trước các nguyên âm hàng sau, trước phụ âm và ở vị trí cuối từ. Thí dụ, *нѣс* (mang, xách), *тѣс* (ván gỗ mỏng), *тяжѣсть* (sức nặng), *довольно* (tương đối), *огонь* (lửa), *уголь* (than), *цѣпь* (xích); *щ* theo chuẩn mực *Мат-хср-ва* phát âm như *ш* dài, khác với *ш* thường, nó luôn luôn mềm. Ở *Лѣ-пін-грát щ* được phát âm như *щч* mềm.

Ж dài cũng là âm mềm. Trong tiếng Nga không có chữ cái riêng cho nó; âm này được thể hiện bằng cách viết kép *жж* (thí dụ, *жужжáть* (vo ve, vè vè) hoặc *эжж* (thí dụ, *эжжу* (đi)). Âm *ж* dài, mềm còn có thể được biểu thị bằng *жд* (*дожди́* — dạng số nhiều của từ *дождь* (mưa); *дождик* v. v...) Dưới dạng này nhiều người do ảnh hưởng của cách viết phát âm thành *жд*, song theo chuẩn mực văn học ở đây cần phát âm như *ж* dài và mềm.

Trong tiếng Nga *ѝ* được coi là phụ âm vì nó không tạo ra âm tiết. Trong một số trường hợp *ѝ* được phát âm như một phụ âm, khi phát âm phần giữa lưỡi chuyển dịch tới ngạc giữa và lúc đó giữa chúng tạo ra một khe nhỏ. Ở những trường hợp khác *ѝ* lại được phát âm như nguyên âm *и* không tạo nên âm tiết. Với tư cách là một phụ âm, *ѝ* thường đứng trước nguyên âm có trọng âm, thí dụ, *яма* [йáма] (hồ, lỗ), *ѣлка* [йѣлка] (cây thông), *район* (khu, vùng). Với tư cách là một âm nguyên âm không âm tiết *ѝ* thường đứng sau nguyên âm có trọng âm (thí dụ, *край* (mép, bờ, vùng), *сарáй* (nhà kho), *ко́йка* (giường sắt), còn đứng trước trọng âm chỉ ở vị trí trước một phụ âm khác (thí dụ, *война́* (chiến tranh)).